TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2018/QĐST-DS	*Hồng Bàng, ngày 15 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2018, về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2018/TLST-DS, ngày 13 tháng 3 năm 2018,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bẩy (07) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1946; ĐKNKTT và trú tại: Đường PBC, phường PHT, quận HB, Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Việt C, sinh năm 1980; ĐKNKTT và trú tại: Đường PBC, phường PHT, quận HB, Hải Phòng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Trần Thị H1 sinh năm 1974; ĐKNKTT: Phường NN, quận LC, Hải Phòng.

+ Chị Trần Thị Thu H2, sinh năm 1976; ĐKNKTT: Đường QT, Phường X, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Anh Trần Sỹ H, sinh năm 1981; ĐKNKTT: Đường NL, Phường Y, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chị H1, chị H2 và anh H ủy quyền cho ông Nguyễn Văn B (Văn bản ủy quyền lập ngày 22/7/2017, tại Phòng công chứng AD).

+ Ông Nguyễn Văn B2, sinh năm 1943, ĐKNKTT: Đường PBC, phường PHT, quận HB, Hải Phòng (Đã bị tuyên bố mất tích theo quyết định số: 05/QĐDS-ST, ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng).

+ Ông Nguyễn Văn B3, sinh năm 1955, ĐKNKTT: Đường PBC, phường PHT, quận HB, Hải Phòng (Đã bị tuyên bố mất tích theo quyết định số: 04/QĐDS-ST, ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Ông Nguyễn Văn B1 được toàn quyền sở hữu, quản lý và sử dụng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại đường PBC, phường PHT, quận HB, thành phố Hải Phòng, trên diện tích đất 82,3 m2, số tầng: 03 (tầng 1 của chủ sử dụng khác), diện tích sử dụng: 142 m2, thửa đất số 326, tờ bản đồ số 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 415210, do UBND quận HB cấp ngày 27 tháng 9 năm 2013, mang tên chủ sử dụng là bà Lê Thị T (Đại diện cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn B4). Trị giá nhà và đất là: 1.414.065.000 đồng *(Một tỷ, bốn trăm mười bốn triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)*.

Ông Nguyễn Văn B1 phải có trách nhiệm trả kỷ phần thừa kế cho anh Nguyễn Việt C với số tiền là: 848.439.000 đồng *(Tám trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng)*;

Ông Nguyễn Văn B1 phải có trách nhiệm trả kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Văn B2 và ông Nguyễn Văn B3 mỗi người 141.406.500 đồng *(Một trăm bốn mươi mốt triệu, bốn trăm linh sáu nghìn, năm trăm đồng)* và chi trả kỷ phần thừa kế cho chị Trần Thị H1, chị Trần Thị Thu H2 và anh Trần Sỹ H (con bà Nguyễn Thị H) số tiền là: 141.406.500 đồng *(Một trăm bốn mươi mốt triệu, bốn trăm linh sáu nghìn, năm trăm đồng)*. Chia theo phần thì chị H1, chị H2 và anh H mỗi người được hưởng số tiền là: 47.135.500 *(Bốn mươi bảy triệu, một trăm ba mươi năm nghìn, năm trăm đồng)*.

Giao cho ông Nguyễn Văn B1 có trách nhiệm quản lý phần di sản thừa kế được hưởng của ông Nguyễn Văn B2 và ông Nguyễn Văn B3 với số tiền là: 141.406.500 đồng x 2 = 282.813.000 đồng *(Hai trăm tám mươi hai triệu, tám trăm mười ba nghìn đồng)*.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn B1 có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn B1, ông Nguyễn Văn B2 và ông Nguyễn Văn B3 đều phải nộp mỗi người số tiền là: 3.535.162 đồng *(Ba triệu, năm trăm ba mươi năm nghìn, một trăm sáu mươi hai đồng)*, án phí dân sự sơ thẩm (khoản tiền án phí dân

sự sơ thẩm của ông Nguyễn Văn B2 và ông Nguyễn Văn B3 phải chịu do ông Nguyễn Văn B1 nộp thay), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 27.000.000 đồng (Hai mươi bẩy triệu đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: AA/2014, số: 0007702, ngày 13 tháng 3 năm 2018, của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Ông B1 được hoàn trả lại số tiền chênh lệnh là 16.394.514 đồng *(Mười sáu triệu, ba trăm chín mươi tư nghìn, năm trăm mười bốn đồng)*.

- Chị Trần Thị H1, chị Trần Thị Thu H2 và anh Trần Sỹ H phải nộp 3.535.162 đồng *(Ba triệu, năm trăm ba mươi năm nghìn, một trăm sáu mươi hai đồng)*, án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Việt C phải nộp 18.968.780 đồng *(Mười tám triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, bẩy trăm tám mươi đồng)*, án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Kiên